**TỔNG HỢP CÁC NGHIÊN CỨU VỀ TÁC ĐỘNG CỦA LÃI SUẤT ĐẾN KINH TẾ VIỆT NAM**

Đỗ Văn Tính

Hội nhập kinh tế quốc tế đã đem lại cho nước ta nhiều cơ hội để tăng trưởng mạnh mẽ, tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, bối cảnh hội nhập cũng đặt ra không ít những thách thức, trong đó nền kinh tế chịu tác động từ môi trường đối ngoại ngày càng nhiều, sự di chuyển luồng vốn giữa các quốc gia đang tăng mạnh. Vì thế, vai trò kiểm soát tổng lượng tiền trong nền kinh tế, ổn định tỷ giá và [lãi suất](http://tapchitaichinh.vn/tags/TMOjaSBzdeG6pXQ=/lai-suat.html" \t "_blank) đang đặt ra cho công tác điều hành [chính sách lãi suất](http://tapchitaichinh.vn/tags/IGNow61uaCBzw6FjaCBsw6NpIHN14bqldA==/chinh-sach-lai-suat.html" \t "_blank) nhiều khó khăn.

Lãi suất là một chỉ số nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Là một công cụ quan trọng của [chính sách tiền tệ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%ADnh_s%C3%A1ch_ti%E1%BB%81n_t%E1%BB%87) và được tính tới khi xử lý các biến số như [đầu tư](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A7u_t%C6%B0), [lạm phát](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BA%A1m_ph%C3%A1t) và [thất nghiệp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A5t_nghi%E1%BB%87p). Lãi suất là mộ biến số phức tạp không những về kỹ thuật tính toán mà còn cả về xác định những nhân tố ảnh hưởng, dự báo và hoạch định chính sách lãi suất. Lãi suất thay đổi và biến động từng ngày từng giờ, diễn biến của lãi suất có ảnh hưởng trược tiếp đến đời sống hằng ngày của mỗi chủ thể kinh tế.nó tác động đến những quyết định của các nhân như chi tiêu, để dành, mua nhà hay mua trái phiếu hay gửi tiền vào một tài khoản nhất định. Lãi suất cũng tác động đến những quyết định kinh tế của các doanh nghiệp dùng tiền để đầu tư mua trang thiết bị mới cho các nhà máy hoặc bỏ vào tài khoản tiền gủi mỏ tại ngân hàng. Do những ảnh hưởng đó, lãi suất được coi là một trông những biến số được theo dõi chặt chẽ nhất trông nền kinh tế.

Lãi suất là tỷ lệ phần trăm nhất định sinh ra từ giao dịch cho vay giữa các bên. Số tiền này được gọi là tiền lãi mà người vay tiền cần phải trả thêm cho người cho vay. Cụ thể, lãi suất sẽ được tính theo tỷ lệ phần trăm nhân với số tiền gốc theo một thời gian cụ thể được quy ước giữa 2 bên (thường được tính theo tháng hoặc theo năm). Lãi suất được tạo ra với mục tiêu là công cụ cần thiết để điều chỉnh các đặc điểm chính sách tiền tệ theo từng thời điểm, cũng như sử dụng khi xử lý các biến số lạm phát, đầu tư, nợ xấu, thất nghiệp… theo sự quản lý của Ngân hàng Trung Ương (Ngân hàng Quốc gia). Do vậy việc lạm dụng lãi suất bên ngoài, theo hình thức kinh doanh tiền tệ khi không có sự cho phép của Nhà nước sẽ được coi là một trong những hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng, tác động tiêu cực đến nền kinh tế của đất nước.

Hầu hết lãi suất cho vay thường được quy định tăng lên hoặc giảm xuống theo chính sách của Ngân hàng Trung Ương. Tương tự như việc tăng cao lãi suất, lãi suất được hạ thấp nhiều cũng có thể tiềm ẩn nhiều rủi ro, như là tình trạng nguồn vốn đổ xô đầu tư vào thị trường bất động sản và chứng khoản sẽ tạo nên hiệu ứng bong bóng kinh tế rất nguy hiểm.

**GDP và Lãi suất**

Theo Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2017 ước tính tăng 5,73% so với cùng kỳ năm trước, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II đã khởi sắc hơn quý I với tốc độ tăng 6,17%; quý III tăng 7,46% và quý IV tăng 7,65%.

Trong mức tăng 5,73% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,65%, đóng góp 0,43 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,81%, đóng góp 2,0 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,85%, là mức tăng trưởng cao nhất so với cùng kỳ 5 năm gần đây, đóng góp 2,59 điểm phần trăm.

Mức tăng trưởng năm 2017 vượt mục tiêu Quốc hội đề ra là 6,7% và cao hơn mức tăng trung bình và từng năm trong giai đoạn 2011-2016. Tính theo giá hiện hành, quy mô GDP đạt 5.007,9 nghìn tỷ đồng; GDP bình quân đầu người ước tính đạt 53,5 triệu đồng, tương đương 2.385 USD, tăng 170 USD so với năm 2016.

Tính đến thời điểm 20/6/2017, tổng phương tiện thanh toán tăng 5,69% so với cuối năm 2016 (cùng kỳ năm trước tăng 8,07%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 5,89% (cùng kỳ năm trước tăng 8,23%); tăng trưởng tín dụng 6 tháng đầu năm 2017 đạt 7,54%[[14]](https://www.gso.gov.vn/DDefault.aspx?tabid=210&NewItem=True&CateCode=72" \l "_ftn14" \o ") (mức tăng cao nhất trong vòng 6 năm trở lại đây) cho thấy khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp cùng với thu nhập lãi của các ngân hàng có sự cải thiện đáng kể.

Mặt bằng lãi suất huy động tương đối ổn định, một số ngân hàng đã có động thái tăng lãi suất huy động nhưng mức độ tăng nhỏ, không thể hiện xu hướng tăng của thị trường. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,8%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,5%-5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,4%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,4%-7,2%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến ở mức 6%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Đối với nhóm khách hàng có tình hình tài chính minh bạch, lãi suất cho vay ngắn hạn từ 4%-5%/năm. Nhìn chung, cơ cấu tín dụng đang tiếp tục theo hướng tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, các dự án lớn, trọng điểm theo chủ trương của Chính phủ.

|  |
| --- |
|  |

**Diễn biến tăng trưởng GDP Việt Nam theo quý trong năm 2016-2017(%)**

Nhìn từ phía cung, có thể thấy khá rõ diễn biến tăng trưởng theo các thành tố quan trọng của tăng trưởng GDP.Ngành công nghiệp đã lấy lại đà tăng trưởng từ tháng tư đến hết năm 2017.Các khu vực nông - lâm – thủy sản và dịch vụ cũng có mức độ tăng trưởng khá ấn tượng nhất là vào cuối năm 2017.

Trường hợp lãi suất tăng sẽ khiến các doanh nghiệp vay nợ nhiều ảnh hưởng. Khi lãi suất tăng sẽ có yếu tố chuyển giá cho người mua và tăng lợi nhuận và đương nhiên ảnh hưởng đến các lĩnh vực của nền kinh tế.

Trường hợp giảm lãi suất sẽ  giúp ích cho các doanh nghiệp đang kinh doanh có  hiệu quả (giảm chi phí cho DN); đối với các DN đang khó khăn về đầu ra thì việc giảm lãi suất chủ  yếu kéo dài thời gian “cầm cự” cho DN. Giảm lãi suất giúp giảm bớt gánh nặng chi phí cho các DN, đặc biệt là các DN thuộc diện khuyến khích trong chính sách tín dụng. Giảm  theo một cách chi phí – cũng là cách để giảm giá thành sản phẩm đầu ra  dài hạn thì việc này sẽ dần làm giảm giá thành các sản phẩm tiêu dùng tiến tới giảm lạm phát.

Ổn định mặt bằng lãi suất ở mức thấp nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh, qua đó góp phần thúc đẩy kinh tế tăng trưởng đang là mục tiêu ưu tiên hàng đầu của Chính phủ hiện nay. Tuy nhiên việc lựa chọn giữa kiểm soát lạm phát hay thúc đẩy tăng trưởng GDP, vẫn còn là vấn đề nan giải.

Điều quan trọng là tăng trưởng kinh tế phải gắn với ổn định lãi suất ở mức phù hợp. Khi lãi suất tăng lên quá nhanh sẽ làm dập tắt động lực đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và sẽ tác động tiêu cực đến niềm tin tiêu dùng của người dân.

**Đầu tư và Lãi suất**

Tình hình thực hiện vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước trong những năm 2017 có những chuyển biến tích cực. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 252,8 nghìn tỷ đồng, bằng 82,9% kế hoạch năm và tăng 7,7% so với cùng kỳ năm 2016.Trong đó gồm có: Vốn trung ương quản lý đạt 56,9 nghìn tỷ đồng, bằng 80,5% kế hoạch năm và tăng 4% so với cùng kỳ năm trước, vốn địa phương quản lý đạt 195,9 nghìn tỷ đồng, bằng 83,6% kế hoạch năm và tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/11/2017 thu hút 2.293 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 19,8 tỷ USD, tăng 2,4% về số dự án và tăng 52% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2016. Bên cạnh đó, có 1.100 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 8 tỷ USD, tăng 57,6% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong 11 tháng năm 2017 lên 27,8 tỷ USD, tăng 53,5% so với cùng kỳ năm 2016.

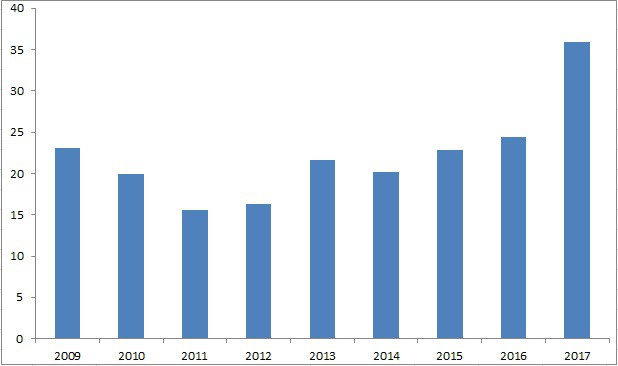
Trong số 79 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 11 tháng, Nhật Bản là nhà đầu tư lớn nhất với 7.659,1 triệu USD, chiếm 38,7% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Hàn Quốc 3.789,6 triệu USD, chiếm 19,1%; Xin-ga-po 3.248,3 triệu USD, chiếm 16,4%; Trung Quốc 1.352,7 triệu USD, chiếm 6,8%; Đặc khu Hành chính Hồng Công (TQ) 679,3 triệu USD, chiếm 3,4%; CHLB Đức 337,5 triệu USD, chiếm 1,7%.

Tính đến 20/12/2017, Việt Nam có 2.591 dự án mới được cấp Giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký 21,27 tỷ USD, tăng 42,3% so với cùng kỳ năm 2016.

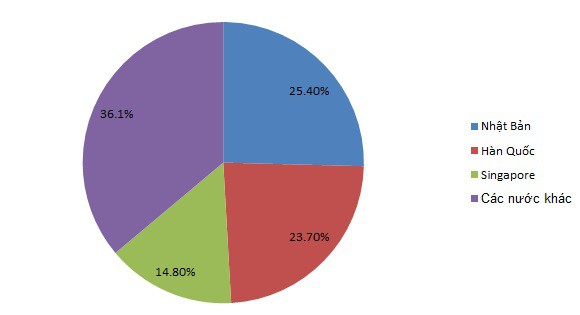
Bên cạnh đó, cả nước có 1.188 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm xấp xỉ 8,41 tỷ USD, tăng 49,2% và 5.002 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn 6,19 tỷ USD, tăng 45,1% so với cùng kỳ ngoái. Tính chung, tổng vốn FDI vào Việt Nam năm 2017 đạt 35,88 tỷ USD, tăng 44,4% so với năm 2016.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư ước tính các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giải ngân được 17,5 tỷ USD trong 12 tháng qua, cao nhất từ trước đến nay.

**Vốn FDI đăng ký vào Việt Nam từ 2009-2017. Đơn vị: tỷ USD**



Qua biểu đồ về vốn FDI đăng ký vào Việt Nam từ năm 2009-2017 cho ta thấy vốn FDI từng bước tăng đều qua các năm, cụ thể từ năm 2014-2017, vốn FDI cao nhất là năm 2017 đạt kỉ lục gần 37 tỷ USD, thấp nhất là 2011 gần 15 tỷ USD.Biểu đồ này cho ta thấy vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam đang trên đà phát triển.

Nhà đầu tư nước ngoài đã rót vốn vào 19 ngành, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo là lĩnh vực thu hút được nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài với 15,87 tỷ USD, chiếm 44,2% tổng vốn đăng ký. Lĩnh vực sản xuất, phân phối điện đứng thứ hai với 8,37 tỷ USD, chiếm 23,3% tổng vốn đầu tư đăng ký. Đứng thứ ba là lĩnh vực kinh doanh bất động sản với 3,05 tỷ USD, chiếm 8,5% tổng vốn đăng ký.

**Các quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư ở Việt Nam**

Theo đối tác, có 115 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam, trong đó Nhật Bản đứng thứ nhất với tổng vốn đầu tư 9,11 tỷ USD, chiếm 25,4% tổng vốn đầu tư. Hàn Quốc đứng thứ hai với tổng vốn đăng ký 8,49 tỷ USD, chiếm 23,7% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam. Singapore đứng thứ ba với tổng vốn đăng ký 5,3 tỷ USD, chiếm 14,8% tổng vốn đầu tư.

(MPI) -Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 5/2017 ước tính đạt 23.049,7 tỷ đồng, bao gồm: Vốn Trung ương 5.145 tỷ đồng; Vốn địa phương 17.904,7 tỷ đồng. Tính chung 5 tháng đầu năm 2017, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 88,8 nghìn tỷ đồng, bằng 30,6% kế hoạch năm và tăng 6% so với cùng kỳ năm 2016.

Thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho thấy, tính đến hết năm 2016, có 6 công ty của Việt Nam có vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài vượt ngưỡng 1 tỷ USD gồm: PVN, Viettel, Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam, Tổng công ty Sông Đà, Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai, Công ty Golf Long Thành.

Trong số các ngành đầu tư ra nước ngoài, khai khoáng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất với hơn 160 dự án và vốn đăng ký lên đến 8,5 tỷ USD, vốn thực hiện trên 3 tỷ USD. Tuy nhiên, điểm khó đánh giá là hiệu quả, lợi nhuận từ các dự án khai thác này chưa được công bố công khai.

Qua thống kê về vốn đầu tư trong và ngoài nước của Việt Nam tính đến năm 2017 cho ta thấy vốn đầu tư ngày càng tăng cao, nguyên nhân là do lãi suất giảm nên các doanh nghiệp có thể đẩy nhanh đầu tư các dự án và thu về nhiều lợi nhuận.Cụ thể khi lãi suất giảm thì đầu tư sẽ diễn ra, kéo theo nhiều cơ hội việc làm cho xã hội và tăng GDP cho cả nước. Chính vì vậy, giữa đầu tư và lãi suất tuy tỷ lệ nghịch với nhau nhưng đều có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau.

Tuy nhiên,nhóm trình độ “đại học trở lên” và nhóm thanh niên có 183,1 nghìn người thất nghiệp, tăng 44,2 nghìn so với quý I/2017. Tỷ lệ thất nghiệp của nhóm này là 3,63% (quý I/2017 là 2,79%).

Nhóm trình độ “cao đẳng” có 82,6 nghìn người thất nghiệp, giảm 21,6 nghìn người so với quý I/2017. Tỷ lệ thất nghiệp nhóm này giảm còn 4,96% nhưng vẫn ở mức cao.

Nếu tính theo 8 vùng kinh tế thì Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất (lần lượt là 2,95% và 2,65%). Trung du miền núi phía Bắc và Tây Nguyên có tỷ lệ thấp nhất (0,95% và 1,05%). Số người thất nghiệp dài hạn (12 tháng trở lên) chiếm 24,5% tổng số người thất nghiệp.

Tình hình lao động việc làm trong cả nước quý III năm 2017 có sự chuyển biến tích cực, tỷ lệ thất nghiệp giảm, số người có việc làm tăng ở cả khu vực thành thị và nông thôn. Cụ thể, số người thất nghiệp của quý III – 2017 là gần 1,11 triệu người, giảm gần 10,9 nghìn người so với quý II – 2017. Tỷ lệ thất nghiệp chung của toàn quốc là 2,02%. So với quý trước, tỷ lệ này giảm nhẹ.

**Việc làm và Lãi suất**

Trong quý I/2017, lãi suất huy động ghi nhận mức tăng cục bộ khoảng vài chục điểm cơ bản ở các kỳ hạn tại một số ngân hàng vừa và nhỏ.  Lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm trong quý I/2017 ước tính đạt 53,3 triệu người. Trong quý III/2017, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay tương đối ổn định, trong đó lãi suất cho vay giảm nhẹ tại một số lĩnh vực ưu tiên. Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục giảm sâu cho thấy thanh khoản hệ thống tiếp tục ở trạng thái dồi dào. Mặc dù lãi suất liên ngân hàng có tăng nhẹ trong 2 tuần cuối quý III, tại thời điểm ngày 28/09/2017 lãi suất kỳ hạn qua đêm là 0,68%, kỳ hạn 1 tuần là 0,79%, kỳ hạn 2 tuần là 0,94%, giảm trung bình 1,1% so với thời điểm 30/06/2017 và giảm trung bình 3,24% so với thời điểm 30/12/2016. Như vậy, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng vẫn đang theo đà giảm sâu từ đầu năm đến nay. Do đó ,tình hình lao động việc làm trong cả nước quý III năm 2017 có sự chuyển biến tích cực. Theo thống kê, số người trong độ tuổi lao động (từ 15 tuổi trở lên) có việc làm chiếm 54,88 triệu người. So sánh với quý I/2017 thì ta có thể thấy được sự trăng trưởng trong số người trong độ tuổi lao động có việc làm, cụ thể là khoảng 1.58 triệu người. Quý III/2017, dự báo việc làm tăng trong một số ngành: công nghiệp chế biến, chế tạo dự báo tăng 320 nghìn người; xây dựng tăng 136 nghìn người; vận tải kho bão tăng 169 nghìn người. Một số ngành công nghiệp có tăng trưởng về việc làm, như: sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm liên quan; sản xuất điện tử, máy vi tính, sản xuất giường tủ bàn ghế. So với quý I, số người có việc làm tăng nhiều nhất ở ngành xây dựng (166 nghìn người), tiếp đến là ngành giáo dục đào tạo (49 nghìn người); sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí (19 nghìn người); hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (18 nghìn người). Sự thay đổi tích cực đáng kể này là do một phân tác động của lãi suất, khi so sánh các quý trong năm 2017 thì ta thấy được sự giảm nhẹ của lãi suất qua các quý. Khi lãi suất giảm thì sẽ kích thích các doanh nhân hoặc các chủ đầu tư mở rộng thêm nhiều lĩnh vực mà họ mong muốn phát triển. Bởi vì với mức lãi suất thấp như vậy, họ sẽ ít đắn đo về phần lãi suất họ phải trả cho Ngân hàng mà họ vay vốn , cũng như là về các khoản chi phí bỏ ra. Từ đó, người lao động sẽ có thêm nhiều việc làm mới , đa dạng trong ngành nghề.

**Lạm phát và Lãi suất**

Chỉ số tăng lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2012-2017

Lạm phát tháng 12/2013 tăng 0,51% so với tháng trước và tăng 6,04%  so với tháng 12/2012. Đây là năm lạm phát tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây.

CPI tháng 12/2014 tăng 1,84% so với cùng kỳ năm 2013. CPI bình quân năm 2014 tăng 4,09% so với bình quân năm 2013, mức tăng khá thấp trong 10 năm trở lại đây. Trong năm 2014, chỉ số giá tiêu dùng bình quân mỗi tháng tăng 0,15%. Mục tiêu kiểm soát lạm phát của Chính phủ tiếp tục được thực hiện thành công, góp phần quan trọng giúp các doanh nghiệp giảm chi phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm, kích thích tiêu dùng, thúc đẩy tăng trưởng.

CPI tháng 12/2015 tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2014, bình quân mỗi tháng CPI tăng 0,05%. CPI bình quân năm 2015 tăng 0,63% so với bình quân năm 2014. Lạm phát tháng 12/2015 so với cùng kỳ năm 2014 và lạm phát bình quân năm 2015 so với bình quân năm 2014 đều là mức thấp nhất trong 14 năm trở lại đây, và thấp hơn nhiều so với mục tiêu lạm phát dưới 5%

So với năm 2015, CPI năm 2016 tăng với khoảng cách khá lớn, tuy nhiên mức tăng này lại không quá cao so với trung bình 5 năm (2012 – 2016) và trung bình 6 năm (2011 – 2016). Nếu mức tăng 4,74% năm 2016 so với 0,63% của năm 2015 thì CPI năm 2016 đã có mức tăng với khoảng cách khá lớn so năm trước. Mức trung bình 5 năm (2012-2016) là 4,01%.

Lạm phát cơ bản tháng 12 chỉ tăng 0,11% so với tháng trước và tăng 1,29% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát bình quân năm 2017 tăng 1,41% so với bình quân 2016.

**Tình hình lãi suất cuối năm 2016**

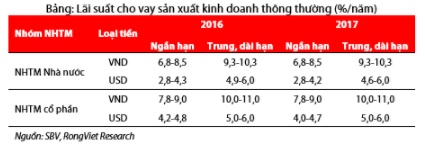
Đến cuối năm 2016, lãi suất huy động các kỳ hạn ngắn dưới 6 tháng phổ biến trong khoảng 4,3%-5,5%/năm, từ 6 tháng đến dưới 12 tháng trong khoảng 5,3%-7%/năm, từ 12 tháng trở lên trong khoảng 6,5%-8%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6-7%/năm đối với ngắn hạn, các ngân hàng thương mại nhà nước áp dụng lãi suất cho vay trung và dài hạn phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 9-10%/năm. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3-11%/năm đối với trung và dài hạn. Đối với nhóm khách hàng tốt, tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch, lãi suất cho vay ngắn hạn từ 4-5%/năm.

**Tình hình lãi suất năm 2017**

Lãi suất huy động trong năm tương đối ổn định. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,8%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3%-5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%-7,3%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6,5%/năm đối với ngắn hạn, 9%-10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Nhìn chung, cơ cấu tín dụng tiếp tục theo hướng tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh được ưu tiên, các dự án lớn trọng tâm, trọng điểm theo chủ trương của Chính phủ nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế.

Lãi suất cho vay sản xuất kinh doanh thong thường (%/năm)

**Tình hình lãi suất quý I năm 2018**

Tính đến thời điểm 20/3/2018, tổng phương tiện thanh toán tăng 3,23% so với cuối năm 2017 (cùng kỳ năm trước tăng 2,88%); huy động vốn của các ngân hàng thương mại tăng 2,20% (cùng kỳ năm trước tăng 2,43%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 2,23% (cùng kỳ năm trước tăng 2,81%).

Lãi suất huy động hiện nay khá ổn định. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,6%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3%-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%-7,3%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6,5%/năm. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Đối với nhóm khách hàng có tình hình tài chính minh bạch, lãi suất cho vay ngắn hạn từ 4%-5%/năm.

**Bảng thông số lãi suất**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Kỳ hạn (tháng) | Lãi suất (%/năm ) | | | |
| Cuối kỳ | Hàng quý | Hàng tháng | Trước  hạn |
| 18 | 7.40 | 7.08 | 7.04 | 6.66 |
| 24 | 7.40 | 6.96 | 6.92 | 6.45 |
| 36 | 7.40 | 6.74 | 6.70 | 6.06 |
| 48 | 7.40 | 6.53 | 6.50 | 5.71 |
| 60 | 7.40 | 6.35 | 6.31 | 5.40 |

Tóm lại, Lãi suất là một yếu tố có ảnh hưởng không nhỏ trong nền kinh tế và có tác động lớn đến nền kinh tế Việt Nam. Lãi suất cơ bản là một công cụ để Ngân hàng Nhà nước điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt trong từng thời kỳ; được đặt trong mối quan hệ với lãi suất trên thị trường liên ngân hàng, trên thị trường mở, lãi suất huy động của các ngân hàng thương mại và trạng thái cung - cầu vốn trên thị trường. Đối với Việt Nam, lãi suất có tầm quan trọng rất lớn trong việc điều tiết các hoạt động kinh doanh, điều tiết thị trường. Trong nền kinh tế vĩ mô, mỗi một khía cạnh kinh tế đều có mối quan hệ và tác động qua lại lẫn nhau, khi có vấn đề xảy ra làm xê dịch đi giá trị của khía cạnh kinh tế, chúng đồng thời cũng làm cho nên kinh tế bị tác động, bị ảnh hưởng. Tùy thuộc vào độ liên kết sẽ quyết định mức độ bị ảnh hưởng của khía cạnh kinh tế này tới khía cạnh kinh tế khác.

Mặc dù nói Lãi suất là một trong những công cụ của nhà nước điều tiết ổn định đất nước, nhưng Lãi suất cũng không phải là yếu tố có thể tự do thay đổi. Từ những phần trên ta có thể thấy Lãi suất ít nhiều đều có tác động vào hầu hết các mặt của nền kinh tế, nhừn song song đó, Lãi suất cũng đồng thời chịu sự rang buộc của chúng. Ví dụ như Lãi suất tang giảm có thể làm ảnh hưởng đến lạm phát của đất nước, và đồng thời lạm phát cũng rang buộc không thể để lãi suất tang lên quá cao hay giảm xuống quá thấp. Chính những mối quan hệ giữa nhiều mặt trong nền cho nên mới tạo ra sự phức tạp trong sự vận hành điều tiết kinh tế đất nước.

***Tài liệu tham khảo:***

*[1]. http://thoibaotaichinhvietnam.vn/.*

*[2]. http://bizlive.vn/.*

*[3]. http://vneconomy.vn/.*

*[4]. http://vietnamnet.vn/*